

Bản án số: 20/2018/ST-DS

Ngày 24 - 7 - 2018

“Tranh chấp quyền sử dụng đất và
di dời tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Dũng

2/ Ông Trần Quốc Hào

- Thư ký - phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 Tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Sơn Xây H, sinh năm 1981 (có mặt).

- Bà Sơn Thị SP, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp XT, xã NH, huyện CT, tỉnh TV.

2. Bị đơn:

- Ông Lâm S, sinh năm 1964 (có mặt).

- Bà Thạch Thị P, sinh năm 1969 (có mặt)

- Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: khóm 6, phường 8, thành phố TV, tỉnh TV.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lâm Thị D, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp TC A, xã KS, huyện TC, tỉnh TV.
- Ông Sơn T, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp XT, xã NH, huyện CT, tỉnh TV.
Người đại diện hợp pháp của ông Tịch: Ông Sơn Xây H, sinh năm 1981; cùng nơi cư trú với ông T (Văn bản ủy quyền ngày 09-6-2018).

Phiên dịch tiếng Khmer: Ông Thạch V, sinh năm 1977 – Trường trung cấp Pali – Khmer tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Sơn Xây H là nguyên đơn trình bày:* Diện tích đất 187,2m² thuộc thửa đất số 50 mục đích sử dụng CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố TV, tỉnh TV có nguồn gốc của cụ Sơn T (cha ông H) để lại cho ông H và bà SP quản lý sử dụng, đất này ông H và bà SP đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do phần đất này ở xa nhà nên gia đình bà Thạch Thị P và ông Lâm S chiếm sử dụng. Cách nay khoảng 15 năm cụ Sơn T (cha của ông H, bà SP) có cho vợ chồng bà P, ông Lâm S diện tích đất 32m² (chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 08m) thuộc một phần thửa đất số 50 để cất nhà tình thương ở. Phần diện tích đất còn lại khoảng 155,2m² thuộc quyền sử dụng của ông H, bà SP nhưng trong quá trình sử dụng đất thì gia đình bà P, ông S đã lấn chiếm sử dụng hết phần đất còn lại để cất nhà sau, xây công trình phụ và hàng rào. Nay, ông H yêu cầu ông Lâm S, bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D, anh Lâm Thanh D phải phá dỡ và di dời nhà sau, các công trình phụ, cây cối có trên đất để trả lại cho ông H diện tích đất 155,2m² nằm trong tổng diện tích 187,2m² thuộc thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố TV, tỉnh TV.

Nguyên đơn bà Sơn Thị SP có cùng ý kiến và cùng yêu cầu như ông Sơn Xây H.

Bị đơn bà Thạch Thị P trình bày: Diện tích đất 187,2m² thuộc thửa đất số 50 mục đích sử dụng CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố TV, tỉnh TV là của mẹ bà là cụ Sơn Thị T cho vợ chồng bà P, ông S cất nhà ở vào năm 1986. Phần đất này cụ T sử dụng trồng tre, trồng chuối, cất chuồng bò từ trước giải phóng năm 1975 cho đến sau giải phóng năm 1975 cụ T vẫn sử dụng. Vào năm 1985 thì cụ Sơn Thị T xin anh ruột của cụ Tư là cụ Sơn T cho hết phần đất 187,2m². Được cụ T cho cụ T phần diện tích này, nên năm 1986 khi bà P lập gia đình thì cụ T cho vợ chồng bà P, ông S phần đất này cất nhà ở trên phần đất này. Đến năm 2005 bà P được Nhà nước xét cấp nhà tình thương, nên bà tháo dỡ nhà lá (nhà trước) để cất nhà tình thương; còn nhà sau là nhà cây lá, đến năm 2017 thì bà P tháo dỡ nhà sau xây nhà cấp 4 và xây công trình phụ, hàng rào thì ông H, bà SP tranh chấp. Nay, bà P không đồng ý trả đất cho ông H, bà SP mà chỉ đồng ý trả giá

trị 30.000.000đ.

Ông Lâm S có cùng ý kiến với bà Thạch Thị P.

Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97, 98, 101, 104 BLTTDS và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS đủ điều kiện đưa vụ án ra giải quyết.

Gửi các văn bản tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia xét xử; tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 177, 196, 208, 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 243, 249, 250, 251, 258, 260, 261 của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về nội dung: vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 166; Điều 165 và khoản 1 Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 100 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, bà SP. Buộc hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P trả giá trị quyền sử dụng đất theo biên bản định giá ngày 23-4-2018 cho ông H, bà SP đối với diện tích 112,9m². Công nhận phần diện tích đất 112,9m² này cho hộ ông Lâm S, bà P tiếp tục sử dụng. Đồng thời công nhận diện tích đất có nhà tình thương là 53,1m² cho hộ ông Lâm S, bà P tiếp tục sử dụng mà không phải trả giá trị cho ông H, bà SP. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P.

Về án phí và chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin hộ ông Lâm S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP khởi kiện yêu cầu ông Lâm S, bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D, anh Lâm Thanh D phải di dời nhà sau, các công trình phụ, cây cối có trên đất ra khỏi thửa đất số 50 để trả lại cho ông H, bà SP diện tích đất 155,2m² nằm trong tổng diện tích 187,2m² thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34, nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài*

sản” theo khoản 9, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; đất tranh chấp tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo Biên bản khảo sát, đo đạc, định giá ngày 23-4-2018 do ông H, ông S hướng dẫn khảo sát, đo đạc thì tổng diện tích đất tại thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 187,2m² gồm có 03 phần như sau:

- Phần A diện tích 21,2m² trên đất không có tài sản, ông H, bà SP, ông S, bà P không có tranh chấp, vì phần đất này ông H xác định dùng làm lối đi vào bên trong cho các hộ khác sử dụng.

- Phần B diện tích 53,1m² trên đất có nhà tình thương khung bê tông cốt thép, tường xây gạch tô trát 2 mặt, mái tôn, không trần của hộ ông Lâm S quản lý sử dụng.

- Phần C diện tích đất 112,9m², trên đất có nhà sau khung bê tông cốt thép, tường xây gạch tô trát 2 mặt, mái tôn, có trần; công trình phụ, nhà vệ sinh, hàng rào, sân lát đá vỉa hè, tổng giá trị tài sản có trên phần đất này là 128.715.872đ của hộ ông Lâm S đang quản lý sử dụng.

[3] *Về nội dung:*

Về nguồn gốc đất: Qua xác minh thu thập chứng cứ cho thấy, phần đất đang tranh chấp diện tích đất 155,2m² nằm trong tổng diện tích 187,2m² thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 có nguồn gốc của cụ Sơn T để lại cho ông Sơn Xây H và Sơn Thị SP (các con cụ T) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về quá trình kê khai đăng ký: Gia đình cụ Sơn Thị Tư là mẹ bà Thạch Thị P tuy sử dụng đất từ trước năm 1975 (giải phóng Miền Nam) cho đến năm 1986 thì cụ Tư để cho con gái và con rể là bà Thạch Thị P và ông Lâm S quản lý sử dụng, nhưng trong quá trình sử dụng đất cụ Tư cũng như bà P, ông S không kê khai đăng ký qua các thời kỳ mà phần đất tranh chấp nêu trên do cụ Sơn T kê khai đăng ký theo tư liệu năm 1991 là thuộc một phần thửa đất số 221 và cụ T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tư liệu năm 2004 thửa 50 diện tích 187,2m² tờ bản đồ số 34 do Sơn Thị SP và Sơn Xây H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Về quá trình sử dụng đất: Năm 2005 bà P, ông S được xét cất nhà tình thương. Lúc bấy giờ gia đình bà P được cụ T, ông H, bà SP thống nhất cho cất nhà tình thương trên một phần diện tích đất này (sự việc này được ông H, cụ T thừa nhận). Qua khảo sát, đo đạc, định giá thì nhà tình thương này có diện tích

53,1m² nằm trong tổng diện tích đất 187,2m². Qua xác minh thu thập chứng cứ cho thấy từ khi cất nhà tình thương cho đến nay, thì gia đình bà P, ông S không coi, nói hay mở rộng thêm và tại thời điểm cất nhà tình thương cho đến năm 2017 thì phía ông H, bà P cũng không có tranh chấp gì về diện tích đất cất nhà tình thương này. Việc ông H, bà P cho rằng chỉ cho hộ ông S, bà P 32m² đất để cất nhà tình thương là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần công nhận phần diện tích đất 53,1m² có nhà tình thương cho hộ ông Lâm S, bà P tiếp tục sử dụng mà không phải trả giá trị cho ông H, bà P.

Đối với phần đất tranh chấp ông H yêu cầu ông S, bà P tháo dỡ, di dời nhà sau, công trình phụ, hàng rào để trả lại ông H, bà SP diện tích đất 155,2m² (thực đo 112,9m² phần C). Xét thấy, vào năm 2017 khi bà P, ông S tháo dỡ nhà cây lá cất lại nhà sau (nhà cấp 4), xây công trình phụ, nhà vệ sinh và làm hàng rào trên diện tích đất 112,9m² thì ông H, bà SP không tranh chấp, cho đến khi đưa vào sử dụng thì mới phát sinh tranh chấp. Tại biên bản hòa giải ngày 23-02-2018 bà P, ông S thừa nhận đất có nguồn gốc của cụ T. Bà P, ông S cũng đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông H, bà SP nhưng hai bên yêu cầu Tòa án thẩm định tại chỗ và định giá mới đồng ý trả giá trị. Ngày 23-4-2018 Tòa án tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá nhưng sau đó ông H, bà SP chỉ đồng ý cho ông S, bà P phần diện tích nhà tình thương 32m², phần đất còn lại 155,2m² thì ông H, bà SP yêu cầu bà P, ông S tháo dỡ (phá bỏ) nhà sau, công trình phụ có trên đất để trả đất lại cho ông H, bà SP. Phía bà P và ông Lâm S không đồng ý, chỉ đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất là 30.000.000đ, còn phần nhà tình thương thì yêu cầu tiếp tục sử dụng. Xét thấy, việc ông H, bà SP yêu cầu hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P tháo dỡ (phá bỏ) di dời nhà sau, công trình phụ, hàng rào, đá lát sân ra khỏi thửa đất số 50 để giao trả lại ông H, bà SP diện tích đất 155,2m² (thực đo 112,9m²) là không thể chấp nhận được. Vì, hiện tại hộ ông Lâm S không còn đất khác để ở. Mặt khác, căn nhà sau, công trình phụ, hàng rào và gạch lát sân của hộ ông Lâm S giá trị tương đương với quyền sử dụng đất 112,9m², nếu buộc hộ ông Lâm S đập phá bỏ nhà sau, công trình phụ, hàng rào, tháo dỡ đá lát sân để trả đất lại cho H, bà SP thì hộ ông Lâm S rơi vào tình trạng bế tắc không có nhà, đất khác để ở. Trong khi cụ T, ông H, bà SP có rất nhiều đất ở khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh. Do đó, cần buộc hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P phải có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 112,1m² cho ông H, bà SP là 135.480.000đ (1.200.000đ x 112,9m²) theo biên bản định giá 23-4-2018, đồng thời công nhận phần đất này cho hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P tiếp tục quản lý sử dụng.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 166m² (trong đó: diện tích đất có nhà tình thương 53,1m² và diện tích đất tranh chấp 112,9m²) thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Lâm S bà Thạch Thị P theo phần Quyết định của bản án này.

Đối với diện tích 21,1m² (phần A): Ông H, bà SP, ông S, bà P xác nhận phần đất này dành làm đường đi cho những hộ ở bên trong. Tại phiên tòa hôm nay ông H, bà SP rút yêu cầu đối với diện tích đất này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với diện tích 21,1m² thuộc một thửa đất số 50 tờ bản đồ số 34.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H cho rằng nếu hộ ông Lâm S, bà Thạch Thị P không đồng ý đập phá nhà sau, công trình phụ, hàng rào, tháo dỡ gạch lát sân để trả đất cho ông H, bà SP diện tích 155m² (thực đo 112,9m²) thì ông H yêu cầu trả giá trị toàn bộ quyền sử dụng đất 187,2m² (trong đó có cả phần đất làm nhà tình thương) cho ông H và bà SP. Xét thấy, yêu cầu này của ông H là không thể chấp nhận được, như đã nhận định ở phần trên.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lâm S, bà Thạch Thị P xác nhận hộ ông Lâm S gồm có: Ông Lâm S chủ hộ, vợ bà Thạch Thị P, các con Lâm Thanh D, Lâm Thanh D ở chung nhà (gọi là hộ ông Lâm S).

Còn Lâm Thị D cũng là con ông S bà P nhưng đã cắt hộ khẩu và chị D không có yêu cầu gì, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin*: Ông Sơn Xây H đã nộp tạm ứng 4.000.000đ. Đã chi cho việc khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin là 1.405.000đ. Ông Lâm S, bà Thạch Thị P phải có nghĩa vụ chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Lâm S, bà Thạch Thị P phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 166; Điều 165; Điều 244 và khoản 1 Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 100 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị Sô SP.

Buộc ông Lâm S và thành viên hộ gồm bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D,

anh Lâm Thanh D phải có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 112,9m² (phần C) thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP là 135.480.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*).

Công nhận cho ông Lâm S và thành viên hộ gồm bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D, anh Lâm Thanh D được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 112,9m² (phần C) thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trên đất có căn nhà sau, công trình phụ, hàng rào và gạch lát sân của hộ ông Lâm S đang quản lý sử dụng.

Đồng thời công nhận cho ông Lâm S và thành viên hộ bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D, anh Lâm Thanh D được quyền tiếp tục sử dụng diện tích đất 53,1m² (phần B) thuộc thửa đất số 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mà không phải trả giá trị cho ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP. Trên đất có nhà tình thương của hộ ông Lâm S đang quản lý sử dụng.

Tổng diện tích đất ông Lâm S và thành viên hộ gồm bà Thạch Thị P, anh Lâm Thanh D, anh Lâm Thanh D được quyền sử dụng là 166m² (112,9m² + 53,1m²) có tứ cận chung như sau:

- Hướng đông giáp đường bê tông, kích thước 14,70m;
- Hướng tây giáp thửa đất số 8 kích thước 8,90m và 6,40m;
- Hướng nam giáp thửa đất số 9 kích thước 10,93m;
- Hước bắc giáp phần A (đường đi) kích thước 6,05m và 5,18m (kèm theo sơ đồ bản vẽ). Trên đất có nhà tình thương, nhà sau, công trình phụ, hàng rào và gạch lát sân của hộ ông Lâm S đang quản lý sử dụng.

Đình chỉ xét xử đối với diện tích 21,2m² (phần A) thuộc một phần thửa đất số 50 mục đích sử dụng CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Lâm Thị D không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 166m² thuộc thửa 50 loại đất CLN tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông Lâm S theo phần Quyết định của bản án này. Đồng thời kiến nghị cơ quan nhà nước thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Sơn Xây H và bà Sơn Thị SP tại thửa đất số 50 loại đất CLN, tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm 5, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm S, bà Thạch Thị P phải chịu 9.960.000đ (Chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

Hoàn trả cho ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000đ theo biên lai thu tiền số 0015492 ngày 09-01-2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá và cung cấp thông tin: Buộc ông Lâm S, bà Thạch Thị P phải có nghĩa vụ chịu 1.405.000đ, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh thu từ ông Lâm S, bà Thạch Thị P để giao trả lại cho ông H, bà SP.

Ông Sơn Xây H, bà Sơn Thị SP được quyền liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để nhận lại số tiền 2.595.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi đương sự cư trú.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Gấm